



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Thương mại và Đầu tư Vi na ta ba

Ngày 31/12/2025	3,700 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.6%	-7.5%	2.8%

DT thuần Q4/25
1.18
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.27 -73.6%
YoY: ▲ 1.18

LN thuần Q4/25
0.09
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.27 153%
YoY: ▼0.18 -65.0%

LN sau thuế Q4/25
0.11
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.30 156%
YoY: ▼0.10 -49.0%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
0.3%

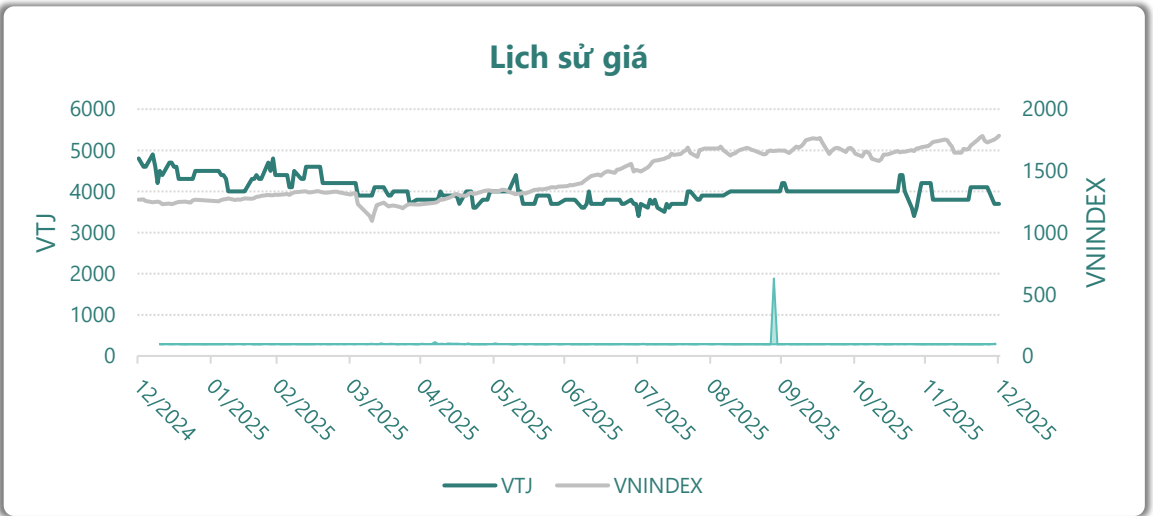
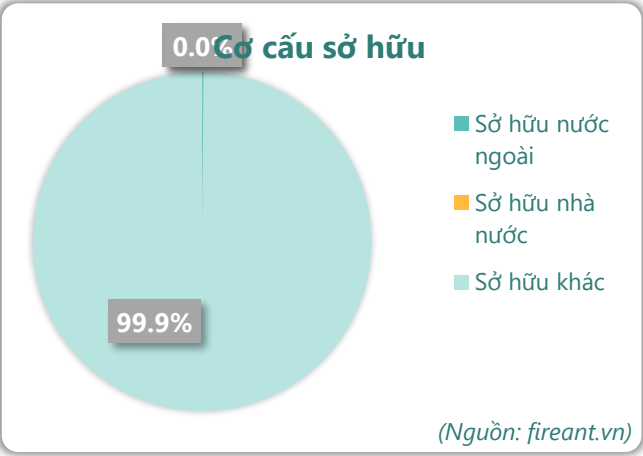
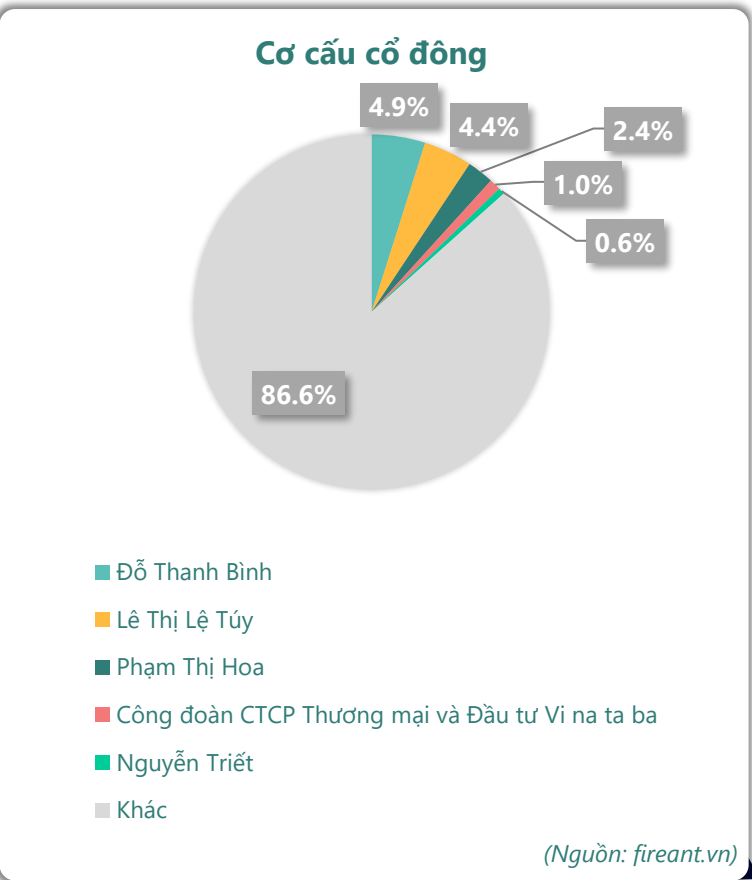
ROE 2025
0.2%
YoY: +/-▼ 0.2%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	3,400 - 4,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	42
Số lượng CPLH (CP)	11,400,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	155
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	(0.00)
EPS	13
P/E	279.8

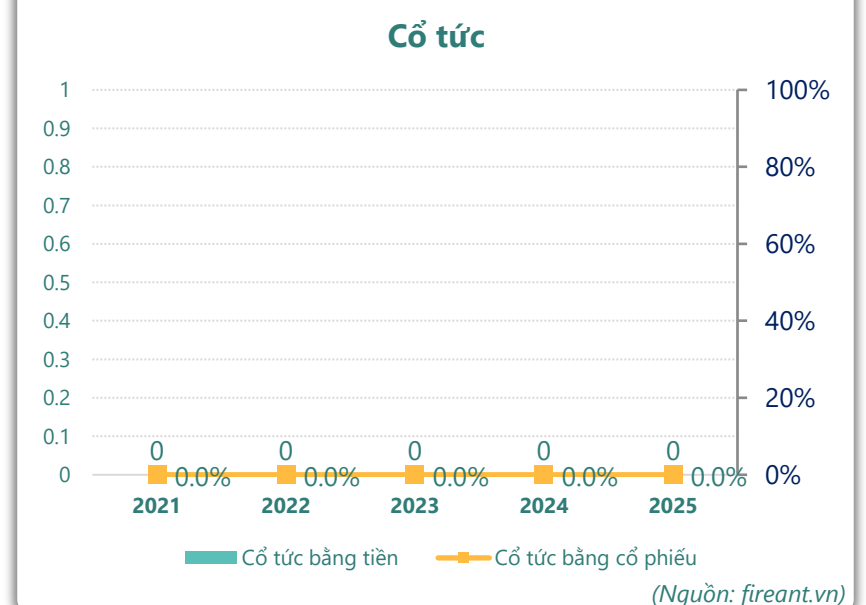
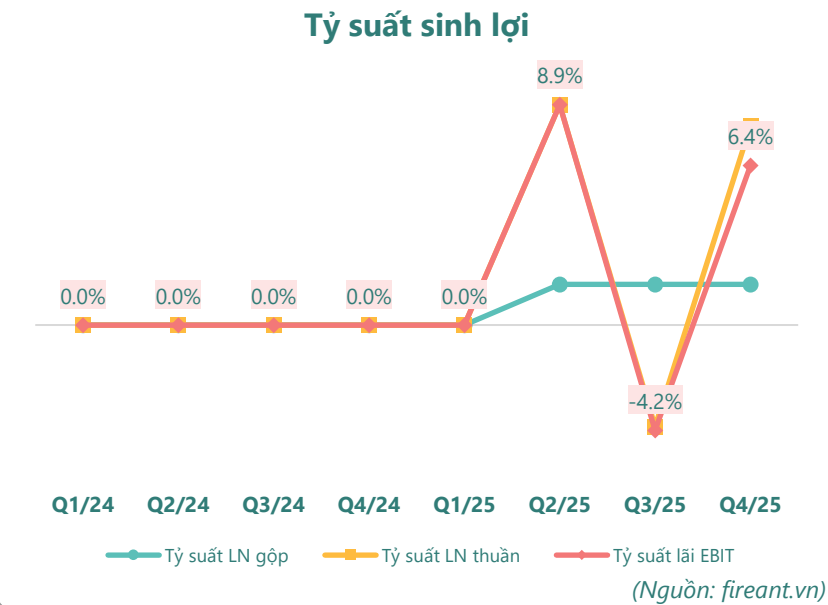
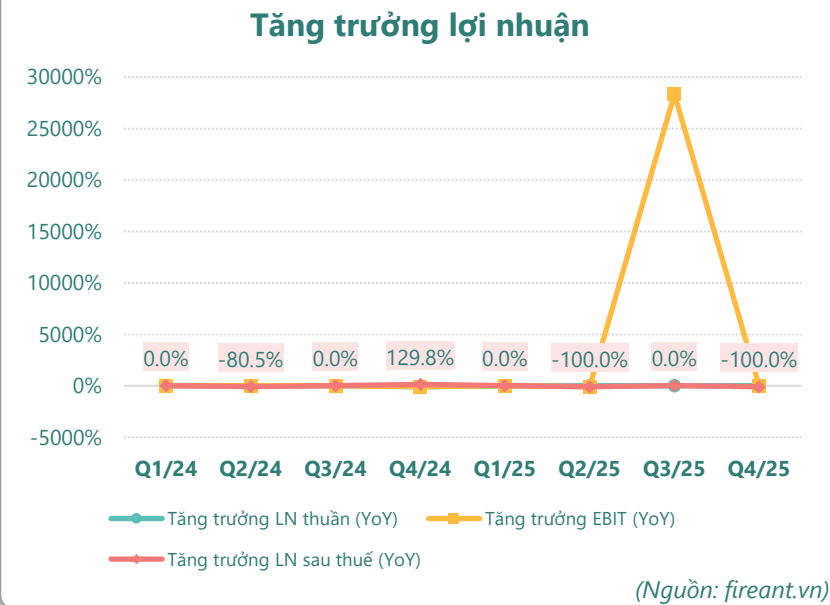
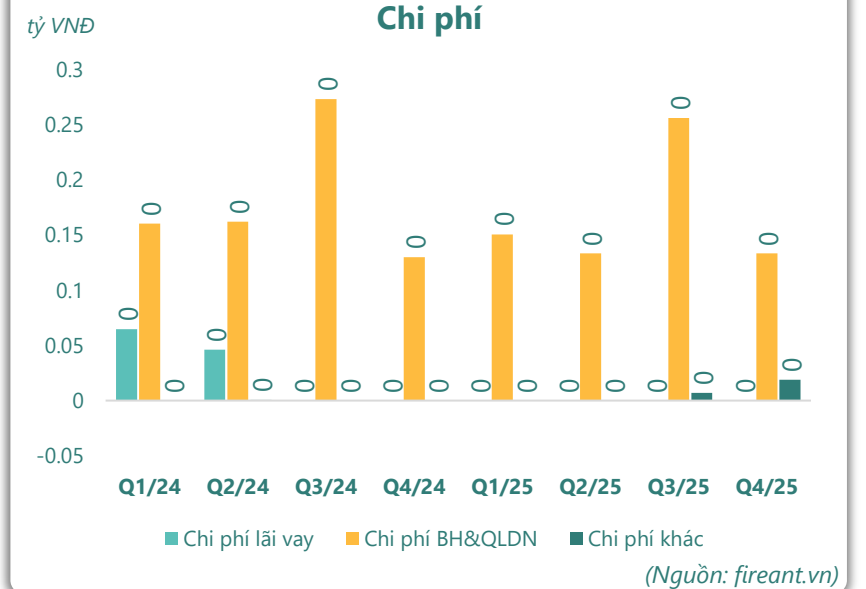
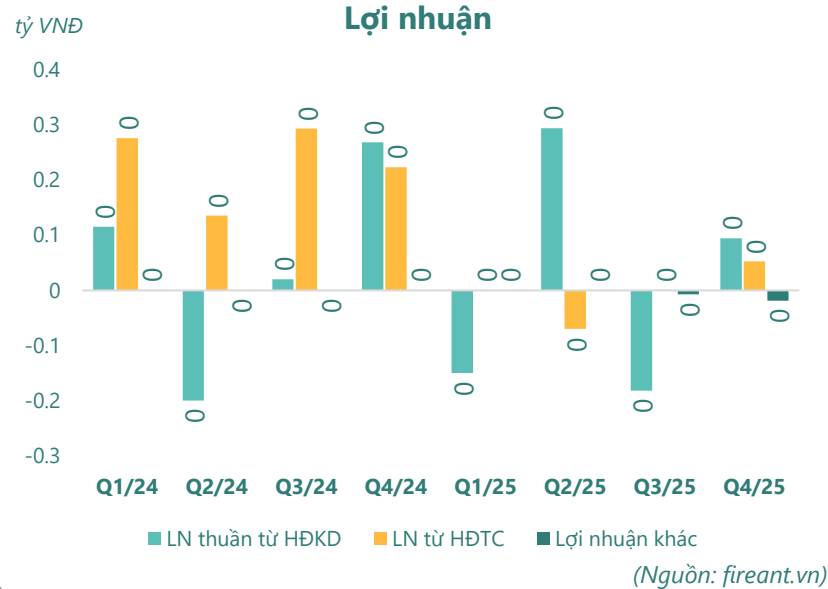
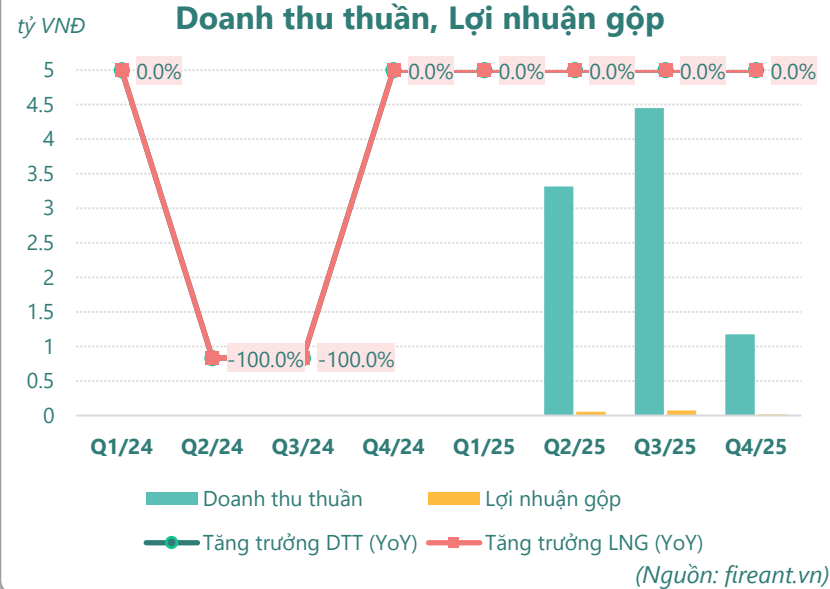
DT thuần 2025
8.94
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 8.94

LN thuần 2025
0.06
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.10 -63.9%

LN sau thuế 2025
0.15
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.17 -53.5%



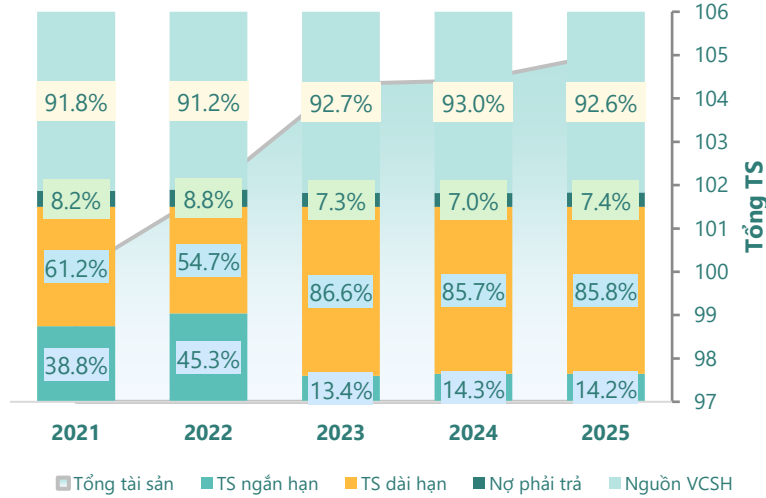
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

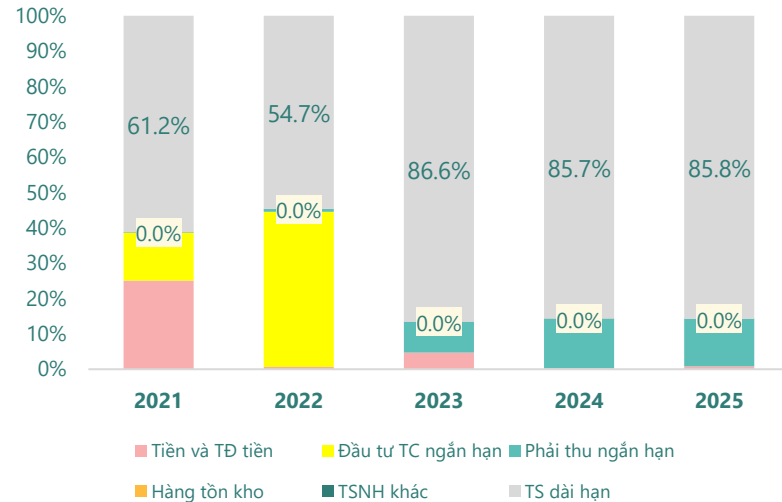
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

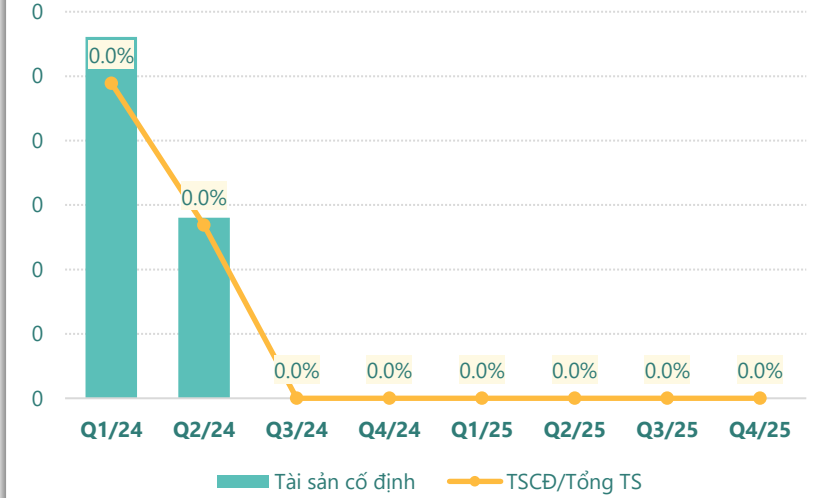
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

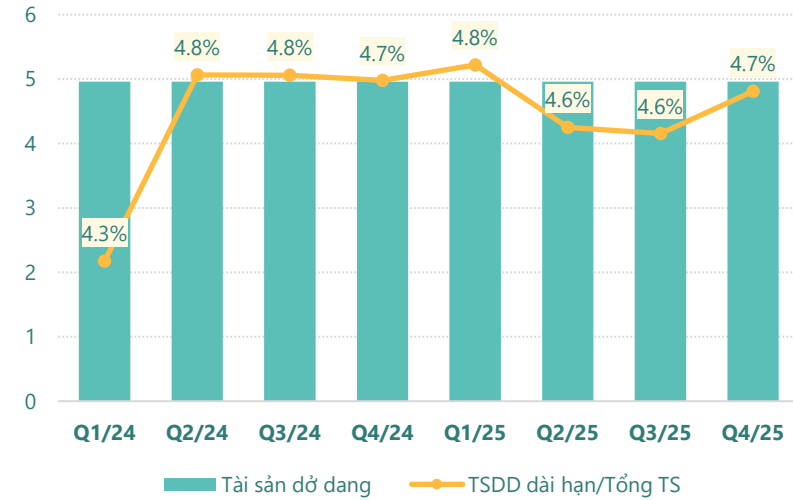
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

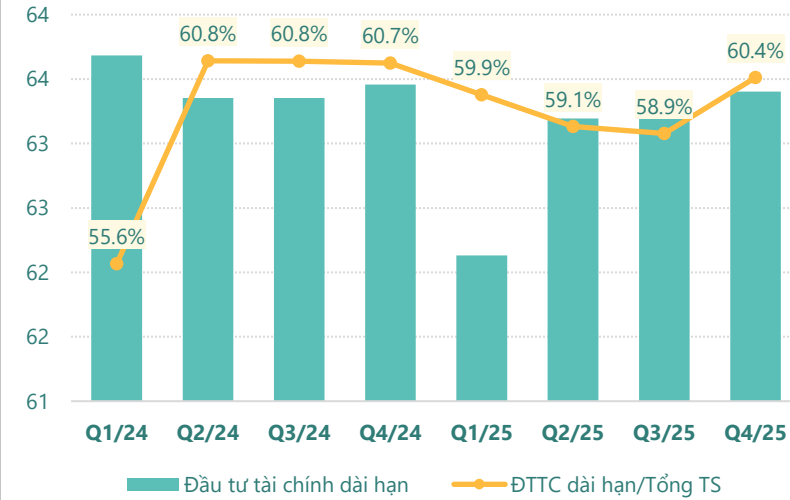
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

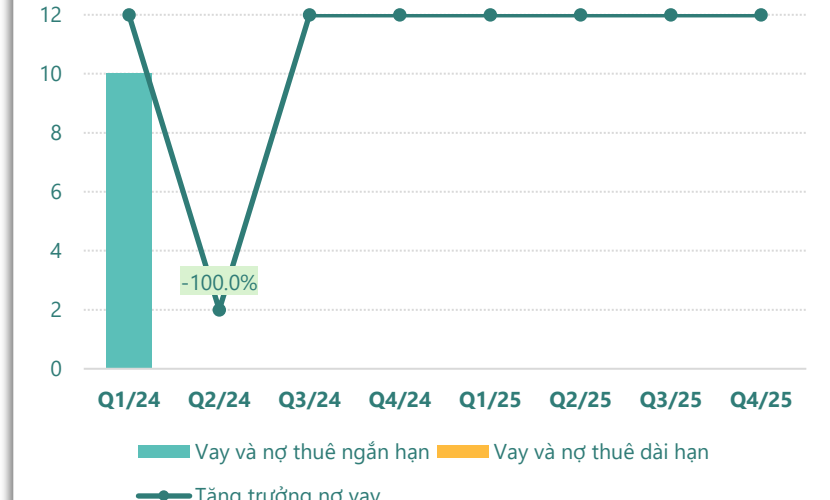
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

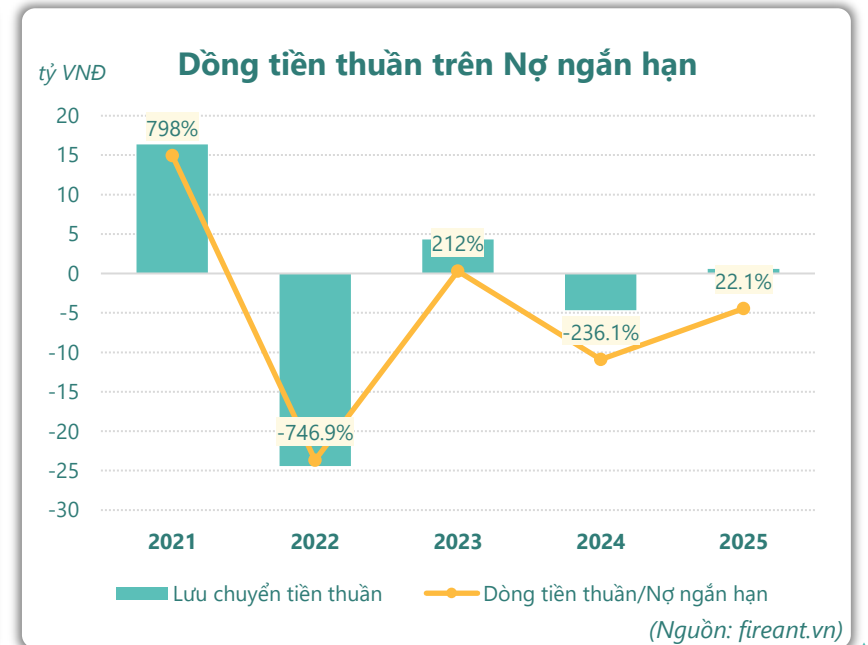
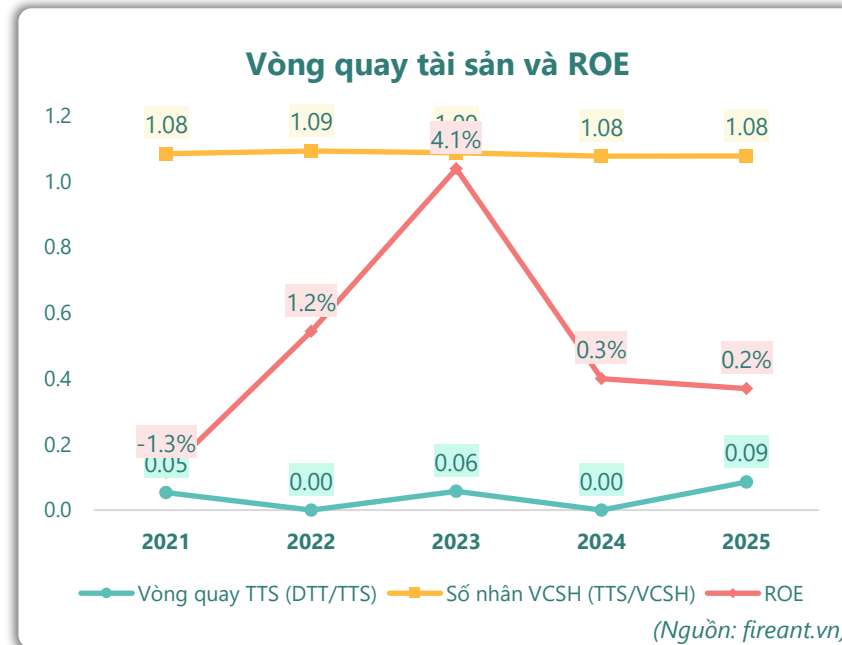
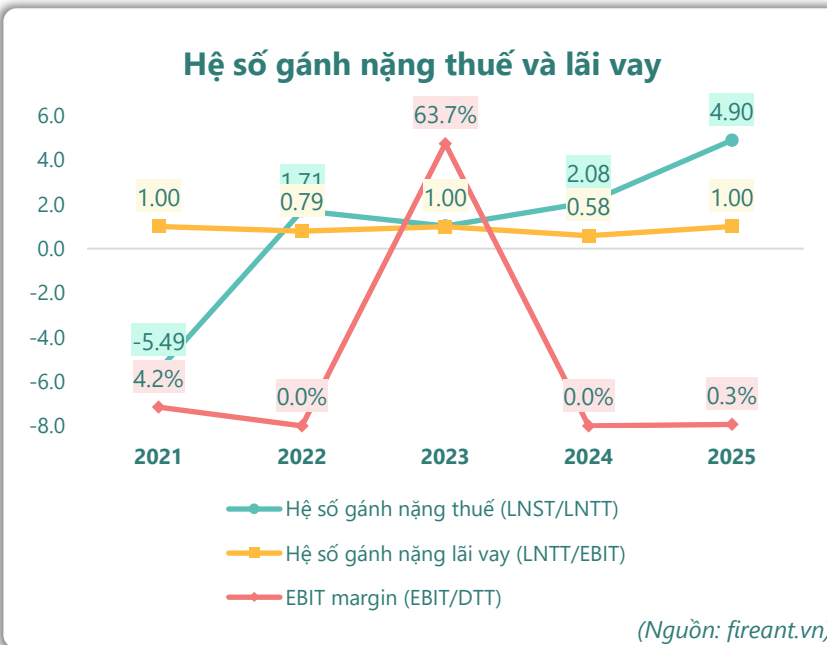
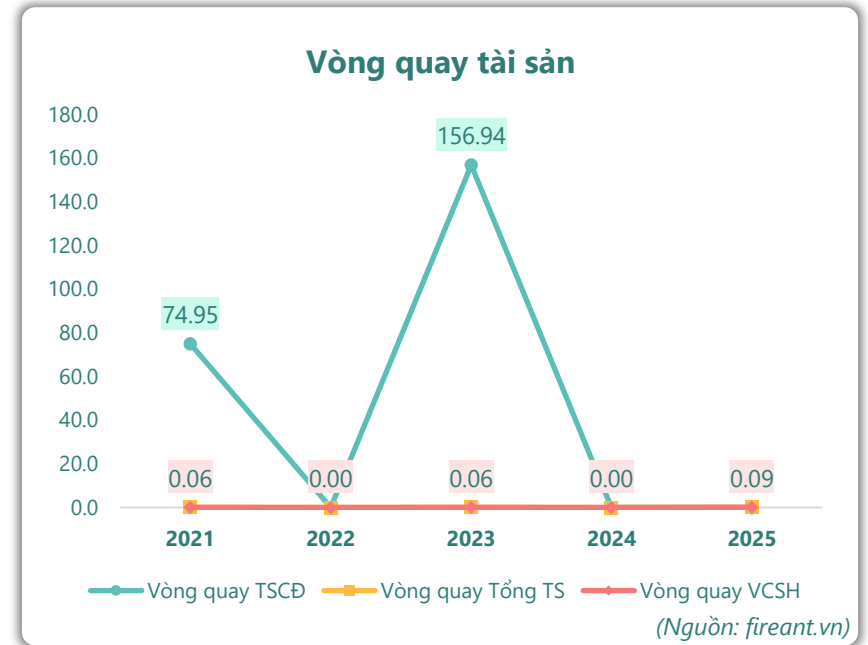
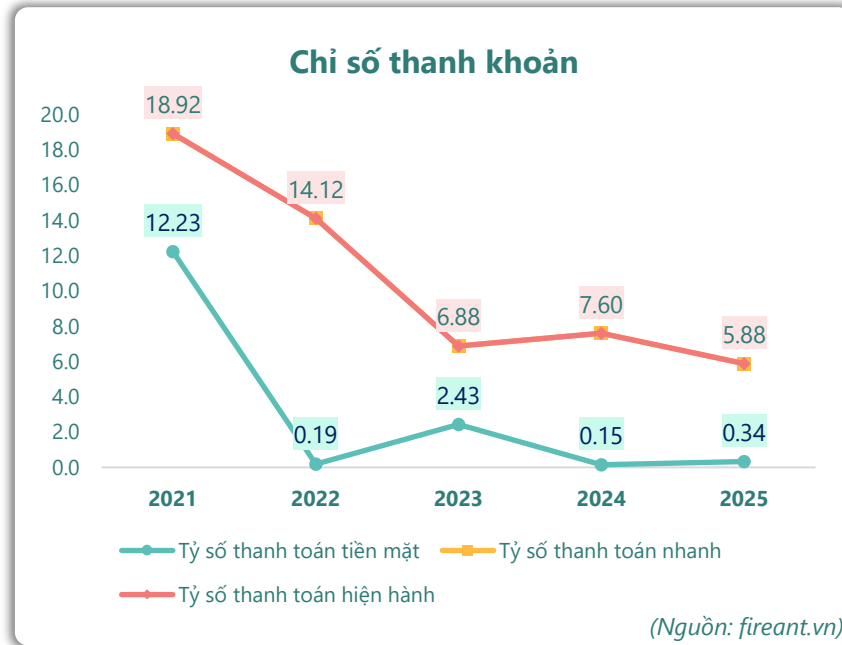
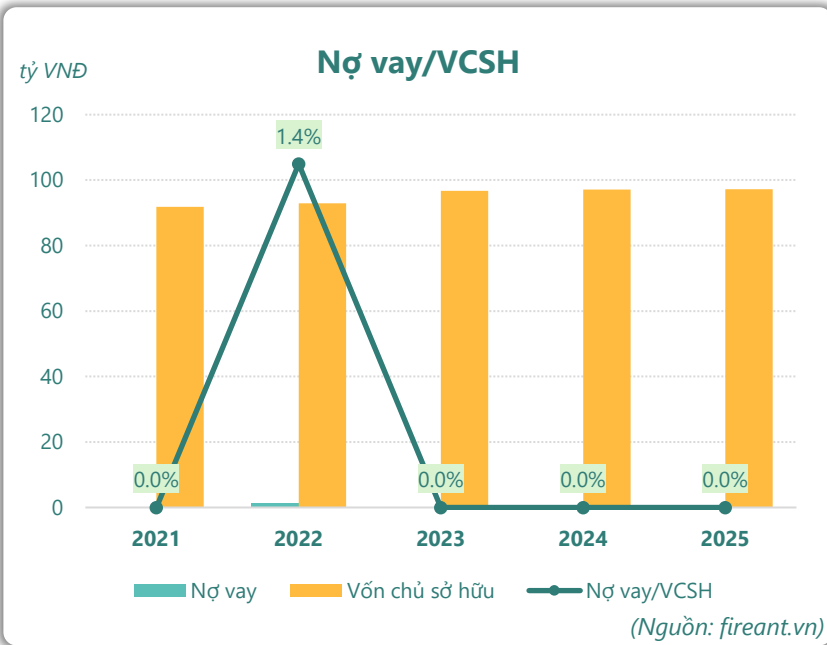
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1.18	0.00		8.94	0	
Giá vốn hàng bán	1.16	0.00		8.80	0	
Lợi nhuận gộp	0.02	0.00		0.15	0	
Doanh thu HĐTC	0.00	0.29	-99.8%	0.00	1.25	-99.7%
Chi phí TC	-0.05	0.07	-174%	0.02	0.50	-96.0%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0.11	-100%
LN trong công ty LKLD	0.16	0.17	-8.1%	0.60	0.13	349%
Chi phí bán hàng	0	0.00		0.00	0	
Chi phí QLDN	0.13	0.13	2.7%	0.67	0.73	-7.2%
LN thuần từ HĐKD	0.09	0.27	-65.0%	0.06	0.16	-63.9%
Lợi nhuận khác	-0.02	0.00		-0.03	0.00	-3498%
LN trước thuế	0.08	0.27	-71.9%	0.03	0.16	-80.2%
Lợi nhuận sau thuế	0.11	0.21	-49.0%	0.15	0.32	-53.5%
LNST của CĐ cty mẹ	0.11	0.21	-49.0%	0.15	0.32	-53.5%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.08	-8.25	1.10	0.33	-0.78	-0.09
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	12.6	0	0.00	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0.01	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0.51	0.43	0.29	1.39	1.72	0.95
Lưu chuyển tiền thuần	-0.08	4.32	1.10	0.33	-0.78	-0.09
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.43	0.29	1.39	1.72	0.95	0.85

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	105	104	0.6%
Tài sản ngắn hạn	15.0	14.9	0.2%
Tiền và tương đương tiền	0.85	0.29	192%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	14.1	14.6	-3.6%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.03	0.03	-11.2%
Tài sản dài hạn	90.1	89.5	0.6%
Phải thu dài hạn	21.7	21.7	0.0%
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	4.96	4.96	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	63.4	62.8	0.9%
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	7.79	7.34	6.2%
Nợ ngắn hạn	2.54	1.97	29.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.64	0.08	686%
Nợ dài hạn	5.25	5.37	-2.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	97.2	97.1	0.2%
Vốn chủ sở hữu	97.2	97.1	0.2%
Vốn điều lệ	114	114	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

